

Số: 22 /2016/NQ-HĐND

Lạng Sơn, ngày 09 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**Về điều chỉnh Quy hoạch phát triển nông nghiệp và nông thôn
tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2011-2020, định hướng đến năm 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Xét Tờ trình số 84/TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị phê chuẩn điều chỉnh Quy hoạch phát triển nông nghiệp và nông thôn tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2011-2020, định hướng đến năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh Quy hoạch phát triển nông nghiệp và nông thôn tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2011- 2020 tại Nghị quyết số 24/2010/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh như sau:

1. Mục tiêu:

a) Mục tiêu tổng quát: Phát triển toàn diện lĩnh vực nông, lâm nghiệp, chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá, trong đó tập trung, ưu tiên nguồn lực chính sách hỗ trợ, đầu tư phát triển các sản phẩm chủ lực; đổi mới mạnh mẽ các hình thức tổ chức sản xuất, tăng cường liên kết, ứng dụng khoa học vào sản xuất tạo bước đột phá nâng cao năng suất chất lượng, giá trị gia tăng các sản phẩm; phát triển kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới; quản lý hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, chủ động phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường sinh thái.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Giá trị sản xuất ngành nông lâm nghiệp và thủy sản (theo giá thực tế) đạt 17.130 tỷ đồng vào năm 2020 và 25.700 tỷ đồng vào năm 2025.

- Giá trị tăng thêm toàn ngành nông nghiệp năm 2025 so năm 2015 là khoảng 15.600 tỷ đồng, trong đó giá trị tăng thêm toàn ngành nông nghiệp năm 2020 so

với năm 2015 là 7.000 tỷ đồng; năm 2025 so với năm 2020 là 8.560 tỷ đồng.

- Giá trị sản xuất các sản phẩm chủ lực (hồi, thông, keo lai, bạch đàn, đại gia súc, lợn, rau, na, thuốc lá) tăng từ 4.380 tỷ đồng (chiếm 43,49% tổng giá trị sản xuất toàn ngành) năm 2015 lên 8.590 tỷ đồng (chiếm 50,15% tổng giá trị sản xuất toàn ngành) năm 2020 và lên 14.160 tỷ đồng vào năm 2025 (chiếm 55,11% tổng giá trị sản xuất toàn ngành).

- Duy trì ổn định lương thực hàng năm khoảng 300 nghìn tấn; đến năm 2020 thu nhập bình quân trên một đơn vị diện tích canh tác trồng trọt và nuôi trồng thủy sản đạt 100-120 triệu đồng/ha và đạt 125-150 triệu đồng/ha vào năm 2025.

- Giảm nghèo bền vững cho cư dân nông thôn khoảng trên 3%/năm; Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đạt 32-34 triệu đồng/người/năm vào năm 2020 và 36-40 triệu đồng/người/năm vào năm 2025.

- Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh vào năm 2020 đạt 95%; Trồng rừng mới hàng năm 9.000 ha, tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 60% và 68% năm 2025.

- Đến năm 2020 có 72 xã đạt chuẩn nông thôn mới và 05 xã đặc biệt khó khăn đạt chuẩn nông thôn mới; thành phố Lạng Sơn hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; không có xã dưới 5 tiêu chí. Đến năm 2025 tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới là 103/207 xã (bằng 50%).

2. Điều chỉnh nhiệm vụ Quy hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2011-2020, định hướng 2025 như sau:

a) Quy hoạch định hướng phát triển chuỗi giá trị các ngành hàng sản phẩm nông lâm sản chủ lực, có lợi thế cạnh tranh của tỉnh đến năm 2020, định hướng 2025.

Quy hoạch phát triển các sản phẩm chủ lực tỉnh theo các lĩnh vực ưu tiên sau: Lâm nghiệp quan tâm đầu tư phát sản phẩm Hồi, phát triển vùng cây gỗ lớn: Thông, keo, bạch đàn; lĩnh vực chăn nuôi quan tâm phát triển chuỗi giá trị sản phẩm chăn nuôi gia súc (trâu, bò, lợn); lĩnh vực nông nghiệp quan tâm phát triển: Na, Rau, Thuốc lá, cụ thể:

* Lĩnh vực lâm nghiệp:

- Chuỗi giá trị ngành hàng Hồi: Giữ ổn định diện tích Hồi toàn tỉnh khoảng 34.000 ha vào năm 2020 và 2025, tập trung tác động vào khâu sản xuất bằng chính sách, nhà nước hỗ trợ giống, quy trình canh tác thay thế diện tích rừng hồi già cỗi, năng suất thấp; hỗ trợ xây dựng nhãn mác, thương hiệu sản phẩm Hồi Lạng Sơn, tìm kiếm mở rộng thị trường tiêu thụ; khuyến khích hỗ trợ doanh nghiệp chế biến sâu để nâng cao giá trị sản phẩm Hồi. Vùng chuyên canh tập trung tại Văn Quan, Bình Gia, Văn Lãng với diện tích năm 2020 khoảng 20.900 ha, mở rộng lên 22.150 ha vào năm 2025.

- Chuỗi giá trị ngành hàng Thông (gỗ, nhựa): Chăm sóc, khai thác có hiệu quả 126.190 ha thông hiện có, tập trung tác động vào khâu sản xuất (hướng dẫn

chăm sóc, khai thác nhựa), giống mới để thay thế dần diện tích Thông Mã vĩ bằng giống vừa cho sản phẩm gỗ, vừa cho sản phẩm nhựa; tạo cơ chế chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư chế biến sản phẩm gỗ, nhựa thông để nâng cao giá trị ngành hàng. Vùng chuyên canh tập trung tại Đình Lập, Lộc Bình, một phần huyện Cao Lộc với diện tích 100 – 120 nghìn ha.

- Chuỗi giá trị ngành hàng Keo, Bạch đàn: Tập trung phát triển vùng chuyên canh gỗ lớn tại các huyện Hữu Lũng, Chi Lăng, Tràng Định với diện tích khoảng 25.000 - 30.000 ha, sản lượng gỗ 300.000 – 400.000 m³/năm. Tạo cơ chế khuyến khích liên kết xây dựng vùng nguyên liệu ổn định phục vụ nhà máy chế biến gỗ trên địa bàn.

* Chăn nuôi:

- Chuỗi giá trị ngành hàng Lợn: Cần tác động hỗ trợ giống, kỹ thuật chăn nuôi, phòng chống dịch bệnh, chuyển đổi hình thức chăn nuôi từ quy mô hộ sang quy mô trang trại, hợp tác xã số lượng chăn nuôi lớn ứng dụng kỹ thuật tiên tiến, hiện đại. Phát triển chăn nuôi lợn trên địa bàn 11 huyện, thành phố; ở các huyện, thành phố bố trí các vùng chăn nuôi lợn tập trung ở các xã ven đô thị có điều kiện đất đai, người dân có trình độ thâm canh cao.

- Chuỗi giá trị ngành hàng Bò: Tập trung tác động vào việc chuyển đổi hình thức chăn nuôi nông hộ sang quy mô chăn nuôi trang trại, hợp tác xã (HTX), Doanh nghiệp đầu tư với quy mô lớn, ứng dụng kỹ thuật chăn nuôi tiên tiến; Nhà nước tiếp tục có chính sách hỗ trợ về giống, lai hóa cải tạo tầm vóc đàn bò để nâng cao giá trị sản phẩm. Phát triển chăn nuôi Bò trên địa toàn tỉnh; vùng chăn nuôi tập trung phát triển ở các xã đã được xác định tại Quyết định 257/QĐ-UBND 28/2/2013 của UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch phát triển chăn nuôi tỉnh Lạng Sơn đến năm 2020, tầm nhìn 2030, bổ sung quy hoạch chăn nuôi bò tập trung tại xã Chiến Thắng huyện Bắc Sơn, diện tích 250 ha.

- Chuỗi giá trị ngành hàng Trâu: Tập trung tác động vào việc chuyển đổi hình thức chăn nuôi nông hộ sang quy mô chăn nuôi trang trại, HTX, Doanh nghiệp đầu tư với quy mô lớn, ứng dụng kỹ thuật chăn nuôi tiên tiến; Nhà nước tiếp tục có chính sách hỗ trợ về giống, lai hóa cải tạo tầm vóc đàn trâu để nâng cao giá trị ngành hàng. Phát triển chăn nuôi trâu trên địa toàn tỉnh; vùng chăn nuôi tập trung phát triển ở các xã đã được xác định tại Quyết định 257/QĐ-UBND ngày 28/02/2013 của UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch phát triển chăn nuôi tỉnh Lạng Sơn đến năm 2020, tầm nhìn 2030.

* Trồng trọt:

- Chuỗi giá trị ngành hàng Na: Tập trung tác động hỗ trợ vào khâu sản xuất, nhất giống, kỹ thuật canh tác để cải tạo vườn na già cỗi, quan tâm hỗ trợ xây dựng nhãn mác sản phẩm, thương hiệu sản phẩm Na Lạng Sơn, tìm kiếm mở rộng thị trường bằng chính sách; khuyến khích hỗ trợ doanh nghiệp, HTX đầu tư sơ chế, chế biến, bảo quản tiêu thụ sản phẩm Na. Vùng sản xuất chuyên canh tập trung tại Chi Lăng, Hữu Lũng năm 2020 diện tích vùng chuyên canh khoảng 2.500 ha, năm 2025 khoảng 2.900ha.

- Chuỗi ngành hàng Rau: Có chính sách hỗ trợ tác động vào khâu sản xuất, nhất là giống, hỗ trợ xây dựng nhãn mác, thương hiệu sản phẩm; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư sản xuất tập trung ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất gắn chế biến và tiêu thụ. Vùng sản xuất chuyên canh tập trung tại thành phố Lạng Sơn, Cao Lộc, Lộc Bình, diện tích vùng rau chuyên canh khoảng 3.224 ha vào năm 2020 và 3.600 ha vào năm 2025.

- Chuỗi giá trị ngành hàng Thuốc lá: Tập trung hỗ trợ tác động vào khâu sản xuất nhất là giống, kỹ thuật sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. Đến năm 2020 diện tích thuốc lá toàn tỉnh khoảng 6.500 ha và khoảng 8.700 ha vào năm 2025. Vùng sản xuất chuyên canh: Bắc Sơn, Chi Lăng, Hữu Lũng.

b) Quy hoạch định hướng phát triển chuỗi giá trị các ngành hàng sản phẩm nông lâm sản chủ lực, có lợi thế cạnh tranh của các huyện, thành phố đến năm 2020, định hướng 2025.

- Sản phẩm Lúa chất lượng cao: Vùng sản xuất tập trung tại Hữu Lũng, Lộc Bình, Tràng Định với diện tích 20.680 ha, sản lượng đến năm 2020 đạt 163 nghìn tấn, năm 2025 đạt 177 nghìn tấn, chiếm khoảng 36,5% tổng sản lượng lúa toàn tỉnh và khoảng 60% về giá trị sản xuất lúa toàn tỉnh.

- Sản phẩm Thạch đen: Vùng sản xuất tập trung tại Tràng Định, Bình Gia với diện tích là 2.760 ha vào năm 2020 và mở rộng lên 3.290 ha vào năm 2025.

- Sản phẩm Ngô: Vùng sản xuất tập trung tại Bắc Sơn, Hữu Lũng với diện tích 7.900 ha vào năm 2020 và mở rộng lên 8.500 ha năm 2025; sản lượng trong vùng chiếm 40-45% sản lượng toàn tỉnh.

- Sản phẩm Lạc: Vùng sản xuất tập trung tại Hữu Lũng, Bắc Sơn, Chi Lăng với diện tích 2.350 ha vào năm 2020 và mở rộng lên 2.650 ha vào năm 2025.

- Sản phẩm Quýt: Vùng sản xuất tập trung tại Bắc Sơn, Bình Gia với diện tích 740 ha vào năm 2020 và mở rộng lên 1.170 ha vào năm 2025.

- Sản phẩm Hồng: Phát triển cây hồng Bảo Lâm, huyện Cao Lộc diện tích đến năm 2020 đạt 400 ha và 700 ha vào năm 2025; Hồng vành khuyên Văn Lãng diện tích đến năm 2020 đạt 600 ha và 800 ha vào năm 2025.

- Sản phẩm Chè: Tập trung phát triển tại huyện Đình Lập với diện tích đạt 1.080 ha và 1.220 ha vào năm 2025.

- Sản phẩm tre, mai, vầu, nứa: Tập trung phát triển tại huyện: Tràng Định, Bình Gia với diện tích khoảng 12.500 ha vào năm 2020 và mở rộng lên 14.700 ha vào năm 2025.

- Sản phẩm cây dược liệu: Phát triển cây ba kích vùng Đình Lập, cây quế ở Bắc Sơn, Tràng Định, Bình Gia; cây nghệ vàng phát triển ở Bắc Sơn.

- Sản phẩm gia cầm: Phát triển trên địa bàn toàn tỉnh với quy mô tổng đàn đến năm 2020 đạt khoảng 4,5 triệu con và khoảng 5,1 triệu con vào năm 2025.

- Sản phẩm Dê: Phát triển trên địa bàn toàn tỉnh với quy mô tổng đàn đến năm 2020 đạt 58.700 con và khoảng 63.900 con vào năm 2025.

- Ngoài các sản phẩm trên các huyện thành phố chủ động nghiên cứu xác định và đưa vào sản xuất các loại cây trồng, vật nuôi khác có giá trị kinh tế, phù hợp thực tiễn sản xuất.

c) Định hướng phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn

Tiếp tục huy động, lồng ghép các nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn đồng bộ dần hiện đại đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất hàng hóa tập trung, gắn xây dựng nông thôn mới. Trong đó quy hoạch định hướng đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp vào các lĩnh vực:

- Phát triển hệ thống cơ sở trạm trại dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp: Tiếp tục đầu tư, nâng cấp, phát triển các cơ sở trạm trại dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp, quan tâm phát triển cơ sở sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, từng bước chủ động nguồn giống phục vụ sản xuất trên địa bàn.

- Phát triển hạ tầng dịch vụ nông nghiệp: Phát triển các hoạt động dịch vụ kỹ thuật sản xuất trên cơ sở tăng cường năng lực hoạt động của các cơ sở nhà nước, đồng thời phát huy khả năng của các cơ sở tư nhân; khuyến khích thu hút doanh nghiệp, HTX đầu tư phát triển hạ tầng dịch vụ nông nghiệp từ dịch vụ đầu vào, dịch vụ trong sản xuất, dịch vụ đầu ra để nâng cao năng lực hệ thống dịch vụ trên địa bàn. Khuyến khích các doanh nghiệp làm dịch vụ cung ứng vật tư nông nghiệp từng bước tham gia đầu tư vào sản xuất theo hình thức hợp tác liên kết với hộ nông dân và doanh nghiệp sản xuất.

- Phát triển hệ thống khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư: củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống khuyến nông, thú y, bảo vệ thực vật từ tỉnh đến cơ sở. Từng bước nâng cao chất lượng hoạt động của đội ngũ Thú y viên, Khuyến nông viên xã để đáp ứng yêu cầu thực hiện tái cơ cấu. Từng bước xã hội hóa công tác khuyến nông, thú y, bảo vệ thực vật để khuyến khích người dân, doanh nghiệp tham gia thực hiện các dịch vụ công để nâng cao hiệu quả công tác khuyến nông.

- Hệ thống thủy lợi, nước sinh hoạt: tiếp tục tranh thủ các nguồn lực đầu tư sửa chữa, nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa, các công trình thủy lợi, nhà nước tiếp tục hỗ trợ xi măng thực hiện kiên cố hóa kênh mương, nâng cao năng lực hiệu quả tưới các công trình thủy lợi; phối hợp Bộ Nông nghiệp và PTNT triển khai hoàn thành các hạng mục, công trình hồ chứa nước Bản Lải. Tiếp tục triển khai Chương trình nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn đưa tỷ lệ cư dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh lên 95% năm 2020 và 99% năm 2025.

- Hệ thống giao thông nông thôn: Tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cấp, kết hợp xây dựng mới một cách đồng bộ mạng lưới GTNT của tỉnh bao gồm hệ thống đường xã, đường thôn bản, ngõ xóm theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật đường giao thông nông thôn đáp ứng yêu cầu cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp, nông thôn, phục vụ có hiệu quả cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn toàn tỉnh. Phấn đấu đến hết năm 2020 có 72 xã đạt tiêu chí về giao thông; năm 2025 là 103 xã.

- Hệ thống lưới điện và thông tin liên lạc: Đầu tư xây dựng mạng lưới điện để đảm bảo đến năm 2020 có 99,7% số hộ gia đình được sử dụng điện và đến năm 2020 tỷ lệ này là 99,9%. Phát triển hệ thống thông tin rộng khắp, đến năm 2020 các điểm bưu điện văn hóa xã cung cấp hầu hết các dịch vụ Bưu chính mà các bưu cục cung cấp; hầu hết các thôn, cụm thôn có điểm phục vụ, cung cấp các dịch vụ thiết yếu về bưu chính viễn thông. Năm 2025 hoàn thành việc phát triển mạng lưới dịch vụ chuyển phát nhanh, chuyển tiền nhanh, dịch vụ tài chính; mở rộng lĩnh vực cung cấp dịch vụ theo hướng cung cấp ứng dụng rộng rãi mọi lĩnh vực và giải trí.

- Hạ tầng y tế: Phần đầu đến năm 2020 có 113 xã được công nhận đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã (50%); đạt 10 bác sỹ trên một vạn dân; đạt 29,4 giường bệnh trên một vạn dân. Đến năm 2025 có 145 xã đạt tiêu chuẩn Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã (70%); đạt 12 bác sỹ trên một vạn dân; đạt 32 giường bệnh trên một vạn dân; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 99%.

- Hạ tầng giáo dục: Củng cố, hoàn thiện hệ thống trường lớp mầm non và giáo dục phổ thông hiện có, ổn định hệ thống trường Phổ thông dân tộc nội trú, phát triển mạnh trường mầm non nông thôn các xã thuộc khu vực khó khăn và đặc biệt khó khăn. Phần đầu đến năm 2020 có 100% trường học đủ phòng học văn hóa; phòng học bộ môn, phòng học chức năng, thư viện, nhà đa năng theo quy định đối với cấp học; đủ phòng làm việc của cán bộ, giáo viên theo quy định; trường có khuôn viên tường rào, nhà xe, nhà bảo vệ, khu vệ sinh, hệ thống cấp nước sạch theo quy chuẩn, đáp ứng sử dụng lâu dài.

- Hệ thống chợ, phát triển các loại hình chợ, khu thương mại - dịch vụ tổng hợp để tạo điều kiện phát triển mạng lưới đại lý cung ứng và tiêu thụ hàng hóa sản phẩm nông lâm sản trên địa bàn.

- Quy hoạch khu dân cư nông thôn: Phát triển mạng lưới dân cư nông thôn trên cơ sở kết hợp giữa sản xuất, an ninh quốc phòng, các điều kiện về giao thông, địa bàn sản xuất, nguồn nước, đặc biệt chú trọng mạng lưới bản làng của đồng bào dân tộc vùng sâu, vùng xa, biên giới.

- Định hướng phát triển công nghiệp chế biến: Tập trung phát triển các ngành chế biến có lợi thế cạnh tranh, có nguồn nguyên liệu dồi dào sẵn có trong tỉnh; xây dựng các cơ sở chế biến gắn với phát triển nguồn nguyên liệu.

- Định hướng phát triển cơ khí hóa nông nghiệp: Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư các cơ sở sản xuất máy móc thiết bị nông nghiệp, thiết bị chế biến nông sản; tăng cường đẩy mạnh cơ giới hóa sản xuất.

- Định hướng ứng dụng tiến bộ khoa học sản xuất: Nâng cao năng lực, hiệu quả trong nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất và đời sống phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; Tăng cường sử dụng các giống cây, con có chất lượng tốt vào sản xuất (giống năng suất, chất lượng, chịu thâm canh...), đặc biệt là các giống có ưu thế lai.

- Định hướng xây dựng nông thôn mới: Tiếp tục huy động, ưu tiên lồng ghép các nguồn lực đầu tư xây dựng nông thôn mới, phần đầu đến năm 2020 có

72 xã đạt chuẩn nông thôn mới, năm 2025 là 103 xã đạt chuẩn nông thôn mới (NTM).

d) Định hướng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cư dân nông thôn:

- Công tác giảm nghèo: Thực hiện giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo; tạo điều kiện thuận lợi để người nghèo, hộ nghèo tiếp cận tốt nhất các nguồn lực phát triển sản xuất và các dịch vụ xã hội cơ bản (y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, tiếp cận thông tin); tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện về công tác giảm nghèo ở các vùng nghèo; cải thiện và từng bước nâng cao điều kiện sống, tăng thu nhập của người nghèo, ưu tiên người nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số, người nghèo thuộc huyện nghèo, xã biên giới, xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn; góp phần thu hẹp khoảng cách chênh lệch về mức sống giữa các vùng, các dân tộc và các nhóm dân cư trên địa bàn tỉnh, trong khu vực và cả nước.

- Giải quyết việc làm đào tạo nguồn nhân lực: Xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển nguồn nhân lực của tỉnh, trong đó xác định rõ cơ cấu ngành nghề, tỷ trọng trong các lĩnh vực, cấp bậc đào tạo đáp ứng nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh; chú trọng đào tạo, dạy nghề cho người lao động, trang bị kiến thức nhằm thay đổi tư duy kinh tế, tác phong công nghiệp cho người lao động.

- Xử lý môi trường nông thôn: Xử lý tốt nhằm giảm thiểu tác động của các yếu tố tiêu cực đến môi trường nước, nước, đất, chất thải rắn, không khí, bụi tiếng ồn. Tăng cường áp dụng các quy trình sản xuất tốt, giảm thiểu tác động môi trường; tăng cường tuyên truyền nâng cao ý thức người dân về bảo vệ môi trường.

- Định hướng phát triển giáo dục và đào tạo khu vực nông thôn: Quy mô giáo dục được phát triển hợp lý, đa dạng hóa các loại hình đào tạo đáp ứng nguồn nhân lực cho tỉnh và tạo cơ hội học tập suốt đời cho mỗi người dân. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh. Thực hiện tốt công tác phổ cập, đồng thời chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục. Huy động và sử dụng các nguồn lực cho giáo dục có hiệu quả.

- Định hướng phát triển dịch vụ y tế khu vực nông thôn: Xây dựng hoàn chỉnh mô hình hệ thống y tế tỉnh Lạng Sơn đến năm 2020 và 2025 đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân và phục vụ tốt mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và giữ vững an ninh - quốc phòng của tỉnh trong thời kỳ Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá đất nước.

- Định hướng phát triển văn hóa khu vực nông thôn: Tiếp tục hoàn thiện các thiết chế văn hoá từ tỉnh tới cơ sở; xây dựng môi trường và đời sống văn hoá, phát triển các giá trị văn hoá truyền thống, tiên tiến; đẩy mạnh và nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” nhằm tạo điều kiện cho văn hoá phát triển lành mạnh, rộng khắp, nâng cao dần mức hưởng thụ văn hoá của nhân dân.

đ) Khái toán vốn đầu tư và các Chương trình dự án ưu tiên

* Xác định dự án ưu tiên đầu tư: *Chi tiết như phụ biểu trong quy hoạch.*

* Khái toán nhu cầu vốn đầu tư:

Tổng nhu cầu vốn đầu tư thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ quy hoạch là 36.287 tỷ đồng (trong đó: Vốn huy động của dân là 11.471 tỷ đồng, Ngân sách TW hỗ trợ 20.720 tỷ đồng, Ngân sách tỉnh là 1.830 tỷ đồng, Vốn doanh nghiệp 2.266 tỷ đồng) trong đó:

- Vốn đầu tư cho phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp - thủy sản là 12.939 tỷ đồng, chiếm 35,66% tổng vốn đầu tư. Nguồn vốn của dân và doanh nghiệp đầu tư.

- Vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn là 21.800 tỷ đồng, chiếm 60,07% tổng vốn đầu tư. Nguồn vốn do NSNN đầu tư (Ngân sách TW là 20.720 tỷ đồng, địa phương 1.080 tỷ đồng).

- Vốn đầu tư xây dựng các cơ sở chế biến nông lâm sản và thức ăn chăn nuôi là 798 tỷ đồng, chiếm 2,20% tổng vốn đầu tư. Nguồn vốn doanh nghiệp đầu tư.

- Vốn đầu tư hỗ trợ các lĩnh vực sản xuất và đào tạo nông dân là 750 tỷ đồng, chiếm 2,07% tổng vốn đầu tư. Nguồn vốn do ngân sách tỉnh đầu tư.

e) Giải pháp và các khâu đột phá:

* Các nhóm giải pháp chủ yếu:

- Nhóm giải pháp đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất: Tăng cường củng cố năng lực cơ sở hạ tầng phục vụ nghiên cứu, chuyên gia, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, nhất là khâu giống, quy trình sản xuất tiên tiến để tạo sản phẩm an toàn phục vụ nhu cầu thị trường.

- Nhóm giải pháp về thông tin tuyên truyền, xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư, hội nhập: Tăng cường công tác xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư, nhằm quảng bá tiềm năng, lợi thế cạnh tranh, thu hút các nguồn lực đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Tăng cường, đẩy nhanh tiếp cận kịp quá trình hội nhập kinh tế, quốc tế, chủ động tìm kiếm, thiết lập và mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nông nghiệp và đào tạo nguồn nhân lực.

- Nhóm các giải pháp tăng cường quản lý nhà nước, xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, chính sách: Kiện toàn tổ chức bộ máy, tăng cường năng lực quản lý nhà nước về nông nghiệp, nông thôn; rà soát, xây dựng và tổ chức thực hiện hiệu quả các quy hoạch ngành; xây dựng mới các cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, kêu gọi doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

- Nhóm các giải pháp tăng cường đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn; ứng phó biến đổi khí hậu: Tiếp tục tranh thủ, huy động tối đa các nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn đáp ứng yêu cầu phát triển, ứng phó biến đổi khí hậu. Quan tâm ưu tiên đầu tư xây dựng, củng cố các trạm trại sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, cơ sở chế biến phân bón thức ăn gia súc, chế biến và chế biến sâu các sản phẩm nông lâm sản trên địa bàn.

- Nhóm các giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ tái cơ cấu ngành, xây dựng nông thôn mới: Tăng cường quan tâm đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, trong đó quan

tâm nhất là công tác đào tạo nghề lao động nông thôn; đào tạo cán bộ công chức, viên chức ngành nông nghiệp; đội ngũ kỹ thuật viên có trình độ chuyên môn cao phục vụ cho nhiệm vụ tái cơ cấu và xây dựng nông thôn mới.

- Nhóm các giải pháp về tổ chức sản xuất: Đẩy mạnh đổi mới mạnh mẽ các hình thức tổ chức sản xuất; phát triển sản xuất theo định hướng quy hoạch; khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã, tổ hợp tác, cá nhân có điều kiện về vốn, kỹ thuật có thể tích tụ ruộng đất để sản xuất nông, lâm nghiệp, chăn nuôi trên cơ sở người dân tự nguyện cho thuê đất hoặc liên kết góp vốn bằng đất. Hoàn thành việc chuyển đổi các hợp tác xã hoạt động theo Luật Hợp tác xã 2012, đưa hợp tác xã nông nghiệp đi vào hoạt động thực chất, theo đúng Luật Hợp tác xã và phù hợp với yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp. rà soát, chấn chỉnh hoạt động của các hợp tác xã, kiên quyết xử lý dứt điểm các hợp tác xã ngừng hoạt động, hoạt động yếu kém, tồn tại hình thức, hoàn thành ngay trong năm 2016.

- Nhóm các giải pháp về huy động nguồn lực: Tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực hỗ trợ từ trung ương; tạo cơ chế huy động tối đa nội lực trong tỉnh; tranh thủ kêu gọi huy động các nguồn lực đầu tư từ bên ngoài (ODA, FDI...); triển khai thực hiện linh động các hình thức hợp tác công tư (PPP) để huy động các nguồn lực đầu tư vào nông nghiệp nông thôn trên địa bàn. Đổi mới công tác huy động vốn đầu tư xã hội, phát huy vai trò trung tâm của đầu tư tư nhân trong tất cả các lĩnh vực từ phát triển cơ sở hạ tầng đến các vùng cây trồng chuyên canh, các vùng chăn nuôi tập trung, dịch vụ nông lâm nghiệp, thủy sản, tạo công ăn việc làm (phát triển doanh nghiệp trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, chế biến nông sản...).

- Nhóm giải pháp về đổi mới tạo động lực: Phát triển khoa học công nghệ, tài nguyên, con người theo hướng bền vững. Xây dựng các mô hình sản xuất ứng dụng công nghệ cao như trồng hoa, rau trong nhà kính, với hệ thống tưới, hệ thống thông gió, điều hòa không khí tự động. Đầu tư các vùng sản xuất cây ăn quả theo tiêu chuẩn Vietgap trên diện rộng. Đầu tư các dây chuyền chế biến nông, lâm sản công nghệ cao (chế biến tinh dầu hồi, chế biến gỗ...).

- Nhóm giải pháp về định hướng liên kết vùng: Xây dựng và phát triển liên kết vùng dựa trên quy hoạch chung cả vùng Trung du Miền núi Bắc Bộ và vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Phát triển liên kết với các tỉnh trong vùng và các địa phương khác để thống nhất về chất lượng, thương hiệu nông sản và phối hợp phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn. Phát triển liên kết với Khu tự trị dân tộc Choang, Quảng Tây, Trung Quốc để phát huy thế mạnh của tỉnh về nông nghiệp, thương mại, du lịch,... của Lạng Sơn.

* Các khâu đột phá: Từ thực tiễn và yêu cầu phát triển xác định 3 khâu đột phá trong phát triển nông nghiệp, nông thôn giai đoạn tới là:

- Tổ chức lại sản xuất: Sản xuất theo định hướng quy hoạch, chỉ đạo chính quyền địa phương tránh tình trạng chạy theo phong trào, sản xuất thiếu tính hiệu quả, thiếu bền vững. Tăng cường liên kết các hộ thành nhóm hộ, HTX để hình thành sản xuất với quy mô hàng hóa tập trung, giảm dần quy mô sản xuất nông

hộ, có sản xuất nông hộ thì phải sản xuất theo tư duy sản xuất hàng hóa.

- Ứng dụng khoa học vào sản xuất: Đây là khâu quan trọng để tăng năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm. Trong giai đoạn tới trước mắt tập trung giải quyết căn bản khâu giống và quy trình kỹ thuật sản xuất, chế biến.

- Xây dựng nhãn mác và thương hiệu sản phẩm, đây là khâu quan trọng để nâng cao giá trị sản phẩm, trước mắt tập trung vào xây dựng nhãn mác, thương hiệu các sản phẩm chủ lực, đến năm 2020 có 80% sản phẩm chủ lực được xây dựng nhãn mác, chỉ dẫn địa lý, thương hiệu sản phẩm và đến năm 2025 là 100%.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVI, kỳ họp thứ tư thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 19 tháng 12 năm 2016./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- C, PVP, CV VP HĐND tỉnh;
- C, PVP, các phòng VP UBND tỉnh;
- Công báo Lạng Sơn, Báo Lạng Sơn;
- Lưu: VT, Hồ sơ kỳ họp.

CHỦ TỊCH

Hoàng Văn Nghiệm